

TỔNG CÔNG TY  
ĐIỆN LỰC TP HỒ CHÍ MINH  
CÔNG TY ĐIỆN LỰC GIA ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ

o0o

**CÔNG TRÌNH** : TĂNG CƯỜNG CÔNG SUẤT CÁC TRẠM  
: BIẾN ÁP 3\*100kVA CHỐNG QUÁ TẢI  
NĂM 2026 - CÔNG TY ĐIỆN LỰC GIA  
ĐÌNH – ĐỢT 1

**LOẠI CÔNG TRÌNH** : PHÁT TRIỂN LƯỚI, TRẠM

**TỔNG VỐN ĐẦU TƯ** : 14.554.061.864 đồng

**NGUỒN VỐN** : ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2026

**ĐỊA CHỈ XÂY DỰNG** : CÁC TRẠM BIẾN THỂ THUỘC ĐỊA BÀN  
CÔNG TY ĐIỆN LỰC GIA ĐỊNH

**NGƯỜI LẬP PHƯƠNG ÁN** : PHẠM ĐÌNH TRUNG

**NGƯỜI KIỂM TRA** : MAI ĐỨC NAM./.

**Nơi nhận:**

- Phòng KH-VT;
  - Phòng TC-KT;
  - Phòng QLĐT;
- (để thực hiện)
- Lưu: VT; KTAT. PĐT. (4)

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Minh Tâm**

*Năm 2025*

## **NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ**

### **CÔNG TRÌNH: “TĂNG CƯỜNG CÔNG SUẤT CÁC TRẠM BIẾN ÁP 3\*100KVA CHỐNG QUÁ TẢI NĂM 2026” – CÔNG TY ĐIỆN LỰC GIA ĐỊNH – (ĐỢT 1)**

#### **1. Các căn cứ và cơ sở lập dự án:**

Căn cứ quyết định 147/QĐ-HĐTV ngày 28/11/2022 của Tổng công ty Điện lực TP.HCM về việc ban hành quy định về công tác kế hoạch áp dụng trong Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ quyết định số 50/QĐ-HĐTV ngày 18/4/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng công trình lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35Kv;

Căn cứ văn bản số 1873/EVNHCMC-KT ngày 22/05/2024 của Tổng công ty Điện lực TPHCM về việc xây dựng phương án đảm bảo cung cấp điện mùa khô năm 2025;

Căn cứ nội dung góp ý trong cuộc họp ngày 10/4/2025 tại Ban Kỹ thuật – Tổng Công ty Điện lực TP.HCM;

Căn cứ số liệu tải trạm biến áp công cộng trên địa bàn Công ty Điện lực Gia Định (PCGD) quản lý trong Quý 1/2025;

Căn cứ kết quả khảo sát hiện trạng các khu vực lưới điện cần phát triển của PCGD.

#### **2. Mục tiêu đầu tư:**

Việc đầu tư xây dựng công trình “Tăng cường công suất các trạm biến áp 3\*100kVA chống quá tải năm 2026 - Công ty Điện lực Gia Định” – (Đợt 1) nhằm đáp ứng các mục tiêu sau:

- Phù hợp Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV của Quy hoạch phát triển điện lực Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2025. có xét đến năm 2035, ban hành kèm Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và thông báo số 1859/TB-SCT ngày 22/03/2018 của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh;

- Đảm bảo tiêu chí vận hành của các trạm biến áp trung bình từ 60 đến 65% tải; giảm tổn thất điện năng trên lưới điện hạ thế;

- Chống quá tải MBA, ngăn ngừa mất điện khách hàng, giảm sự cố mất điện, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và chất lượng điện năng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển phụ tải trên địa bàn PCGD quản lý;

- Sau khi 18 MBT 3\*100kVA được TCCS thành 18 MBT 3 pha, khối lượng 18 MBT 3\*100kVA thu hồi sẽ được phân loại:

**+ 48 MBT (16 trạm) đã vận hành từ 4 đến 9 năm để sử dụng lại treo lên trụ hiện hữu trong dự án: Nâng cấp, phát triển trạm và lưới hạ thế công cộng khu vực quận Gò Vấp năm 2026 - Đợt 2.**

**+ 06 MBT (02 trạm) đã vận hành lâu năm (trên 20 năm) lập danh sách gửi Tổng công ty để điều động về Công ty DVĐL để đánh giá khả năng đại tu sửa chữa hoặc thanh lý (theo văn bản số 3855/EVNHCMC-KT ngày 02/10/2019).**

### **3. Hiện trạng lưới điện:**

Công ty Điện lực Gia Định trực thuộc Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh quản lý hệ thống lưới điện trung hạ thế trên địa bàn các phường Gò Vấp, An Hội Tây, An Hội Đông, An Nhơn, Hạnh Thông, Thông Tây Hội, Bình Thạnh, Gia Định, Bình Lợi Trung, Bình Quới, Thạnh Mỹ Tây.

- Các phường An Hội Tây, An Hội Đông, Thông Tây Hội, An Nhơn vẫn đang trong giai đoạn phát triển về dân cư, đặc biệt trong các khu vực hẻm nhỏ dẫn đến phụ tải tăng nhanh, lưới hạ thế tại các khu vực cần xử lý có bán kính lớn (một vài trạm có bán kính lớn hơn 300 mét).

- Các tuyến đường trên địa bàn các phường An Hội Tây, An Hội Đông, Thông Tây Hội, An Nhơn đều đã được phủ kín lưới điện trung thế 22kV xuất phát từ các trạm trung gian nêu trên. Lưới trung thế tại trục chính có cấu trúc dạng mạch vòng và các nhánh rẽ có cấu trúc dạng mạch tia, tiết diện dây chủ yếu là cáp nhôm bọc 24kV có tiết diện 240mm<sup>2</sup> cho đường trục và từ 50÷150mm<sup>2</sup> cho nhánh rẽ.

- Các trạm biến áp cần TCCS nằm trong khu vực có hẻm nhỏ với thiết kế hiện hữu là trạm treo (3\*100kVA), khả năng chia tải lưới hạ thế thấp hoặc không thể chia bớt do các trạm xung quanh đang gần đầy tải.

- Ngoài ra, trong khối lượng các trạm cần TCCS hiện có các MBT đang vận hành lâu năm (từ 20 năm trở lên).

**Hiện trạng tình hình vận hành của trạm biến áp cần nâng cấp:**

- Các trạm biến áp 3\*100kVA TCCS thành MBT 3 pha:

STT	Tên trạm	Công suất hiện hữu (kVA)	Hệ số mang tải (%)	Số khách hàng	Bán kính lưới điện (m)	Năm sản xuất	Phạm vi cấp điện
1	AO CÁ 5	3x100	93%	182	193	2016	Một phần Phường Hạnh Thông
2	CÔNG ÍCH 1	3x100	110%	167	219	2020	Một phần Phường An Nhơn
3	GÒ VẤP CHỢ 5	3x100	95%	214	224	2019	Một phần Phường An Nhơn
4	NÔNG NGHIỆP 5/2	3x100	145%	277	258	2020	Một phần Phường An Nhơn
5	NÔNG NGHIỆP 6	3x100	127%	191	213	2003	Một phần Phường An Nhơn
6	NÔNG NGHIỆP 9	3x100	142%	198	271	2021	Một phần Phường An Nhơn
7	QUỐC TUẤN 2	3x100	111%	187	264	2019	Một phần Phường Hạnh Thông

STT	Tên trạm	Công suất hiện hữu (kVA)	Hệ số mang tải (%)	Số khách hàng	Bán kính lưới điện (m)	Năm sản xuất	Phạm vi cấp điện
8	TẤN PHÁT 6	3x100	101%	173	203	2016	Một phần Phường Hạnh Thông
9	TẤN PHÁT 8	3x100	119%	231	186	2016	Một phần Phường Hạnh Thông
10	ĐẠT ĐỨC 6	3x100	97%	188	195	2003	Một phần Phường Gò Vấp
11	ĐẠT ĐỨC 8	3x100	89%	216	177	2016	Một phần Phường Gò Vấp
12	KỶ QUANG 5	3x100	92	195	191	2019	Một phần Phường Gò Vấp
13	CƯ XÁ LAM SƠN	3x100	87	167	303	2021	Một phần Phường Gò Vấp
14	ĐỨC THỌ 1	3x100	91	158	185	2020	Một phần Phường An Hội Đông
15	HOÀNG MAI 7	3x100	85	192	194	2016	Một phần Phường An Hội Đông
16	ĐAN MẠCH 8	3x100	85	189	225	2021	Một phần Phường An Hội Đông

STT	Tên trạm	Công suất hiện hữu (kVA)	Hệ số mang tải (%)	Số khách hàng	Bán kính lưới điện (m)	Năm sản xuất	Phạm vi cấp điện
17	DI NGUY 4	3x100	87	171	219	2021	Một phần Phường Hạnh Thông
18	XÓM CHÁY 5	3x100	82	194	231	2016	Một phần Phường Hạnh Thông

#### 4. Quy mô, đặc điểm của dự án:

##### 4.1. Giải pháp kỹ thuật đề xuất:

Nâng cấp, tăng cường công suất MBT 3\*100 thành trạm trụ ghép, như sau:

STT	Tên trạm	Công suất hiện hữu (kVA)	Hệ số mang tải (%)	Công suất sau TCCS (kVA)	Hệ số mang tải sau TCCS (%)	Số khách hàng	Bán kính lưới điện (m)	Giải pháp
1	AO CÁ 5	3x100	93%	560	58%	182	193	<i>Trạm TCCS nhận thêm lưới HT trạm Xóm Cháy 6/1</i>
2	CÔNG ÍCH 1	3x100	110%	560	61%	167	219	<i>Trạm TCCS nhận thêm lưới HT trạm Nguyễn Sơn 7</i>
3	GÒ VẤP CHỢ 5	3x100	95%	560	65%	214	224	<i>Trạm TCCS nhận thêm lưới HT trạm Gò Vấp Chợ 2</i>
4	NÔNG NGHIỆP 5/2	3x100	145%	560	61%	277	258	<i>Trạm TCCS nhận thêm lưới HT trạm Nông Nghiệp 7</i>
5	NÔNG NGHIỆP 6	3x100	127%	560	57%	191	213	<i>Trạm TCCS nhận thêm lưới HT trạm Nông Nghiệp 5/3</i>
6	NÔNG NGHIỆP 9	3x100	142%	560	62%	198	271	<i>Trạm TCCS nhận thêm lưới HT trạm Bến</i>

STT	Tên trạm	Công suất hiện hữu (kVA)	Hệ số mang tải (%)	Công suất sau TCCS (kVA)	Hệ số mang tải sau TCCS (%)	Số khách hàng	Bán kính lưới điện (m)	Giải pháp
								<i>Hải 6</i>
7	QUỐC TUẤN 2	3x100	111%	560	64%	187	264	<i>Trạm TCCS nhận thêm lưới HT trạm Xóm Thơm 10</i>
8	TẤN PHÁT 6	3x100	101%	560	57%	173	203	<i>Trạm TCCS nhận thêm lưới HT trạm Nguyễn Hồng</i>
9	TẤN PHÁT 8	3x100	119%	560	63%	231	186	<i>Trạm TCCS nhận thêm lưới HT trạm Xóm Thơm 2</i>
10	ĐẠT ĐỨC 6	3x100	97%	560	66%	188	195	<i>Trạm TCCS nhận thêm lưới HT trạm Đạt Đức 4</i>
11	ĐẠT ĐỨC 8	3x100	89%	560	60%	216	177	<i>Trạm TCCS nhận thêm lưới HT trạm Đạt Đức</i>
12	KỶ QUANG 5	3x100	92	560	63%	195	191	<i>Trạm TCCS nhận thêm lưới HT trạm Đốc Hồ 4</i>
13	CƯ XÁ LAM SƠN	3x100	87	560	61%	167	303	<i>Trạm TCCS nhận thêm lưới HT trạm Văn Thụ 4</i>
14	ĐỨC THỌ 1	3x100	91	560	68%	158	185	<i>Trạm TCCS nhận thêm lưới HT trạm Đức Thọ 2</i>
15	HOÀNG MAI 7	3x100	85	560	65%	192	194	<i>Trạm TCCS nhận thêm lưới HT trạm Hoàng Mai 6</i>
16	ĐÀN MẠCH 8	3x100	85	560	60%	189	225	<i>Trạm TCCS nhận thêm lưới HT trạm Đan Mạch 3</i>
17	DI NGUY	3x100	87	560	67%	171	219	<i>Trạm TCCS nhận thêm lưới</i>

STT	Tên trạm	Công suất hiện hữu (kVA)	Hệ số mang tải (%)	Công suất sau TCCS (kVA)	Hệ số mang tải sau TCCS (%)	Số khách hàng	Bán kính lưới điện (m)	Giải pháp
	4							<i>HT trạm Ao Cá 7</i>
18	XÓM CHÁY 5	3x100	82	560	62%	194	231	<i>Trạm TCCS nhận thêm lưới HT trạm Ao Cá 8</i>

• **Trong đó:**

+ 48 MBT (16 trạm) đã vận hành từ 4 đến 9 năm để sử dụng lại treo lên trụ hiện hữu trong dự án: Nâng cấp, phát triển trạm và lưới hạ thế công cộng khu vực các Phường: An Hội Tây, An Hội Đông, Thông Tây Hội, An Nhơn năm 2026 - Đợt 2.

+ 06 MBT (02 trạm) đã vận hành lâu năm (trên 20 năm) lập danh sách gửi Tổng công ty để điều động về Công ty DVĐL để đánh giá khả năng đại tu sửa chữa hoặc thanh lý (theo văn bản số 3855/EVNHCMC-KT ngày 02/10/2019).

• **Lựa chọn cách điện, phụ kiện:**

- Sử dụng băng keo cách điện trung thế để bọc hóa các mối nối, điểm hở, đầu cosse... đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;
- Sử dụng nối ép rẽ dạng chữ H để đấu nối từ dây nối trung thế qua dây nối trung thế tại các vị trí cuối lưới và dùm hai mặt lưới.

- **Lựa chọn kiểu trạm biến áp XDM:**

- Sử dụng các kiểu trạm biến áp: MBA ngồi trên trụ BTLT ghép đôi;

- **Lựa chọn thiết bị bảo vệ:**

- Bảo vệ quá điện áp, chống sét lan truyền sử dụng LA 18KV-10KA.
- Bảo vệ phía trung thế TBA sử dụng LBFCO, FCO 24KV - 100A và chì cỡ thích hợp cho từng gam công suất TBA.
- Bảo vệ hạ thế sử dụng MCCB - 3P - 415V có công suất phù hợp với công suất trạm biến áp, dòng cắt tối thiểu 45KA cho các lộ ra của lưới hạ thế.

## 4.2. Quy mô, khối lượng đầu tư:

### 4.2.1. Khối lượng đầu tư: TCCS 18 vị trí trạm biến áp, cụ thể:

\* *TCCS các trạm 3\*100kVA hiện hữu lên thành trạm trụ ghép:*

+ Từ trạm treo 3x100kVA lên 1x560kVA: 18 trạm.

### 4.2.2. Khối lượng thu hồi:

+ 48 MBT (16 trạm) đã vận hành từ 4 đến 9 năm để sử dụng lại treo lên trụ hiện hữu trong dự án: *Nâng cấp, phát triển trạm và lưới hạ thế công cộng khu vực các Phường: An Hội Tây, An Hội Đông, Thông Tây Hội, An Nhơn năm 2026 - Đợt 2.*

+ 06 MBT (02 trạm) đã vận hành lâu năm (trên 20 năm) lập danh sách gửi Tổng công ty để điều động về Công ty DVĐL để đánh giá khả năng đại tu sửa chữa hoặc thanh lý (theo văn bản số 3855/EVNHCMC-KT ngày 02/10/2019).

### 4.2.3. Tổng mức đầu tư:

Tổng khái toán vốn đầu tư theo suất vốn đầu tư của EVN, Tổng công ty là: 14.554.061.864 đồng (*Mười bốn tỷ, năm trăm năm mươi bốn triệu, không trăm sáu mươi một ngàn, tám trăm sáu mươi bốn đồng*).

(đính kèm phụ lục Bảng suất vốn đầu tư công trình).

STT	Căn cứ QĐ	Loại công trình	Đơn vị tính	Suất vốn đầu tư (VNĐ)	Khối lượng	Thành tiền (VNĐ)
<b>1. Trạm biến áp</b>						
1	50/QĐ-HĐTV ngày 18/4/2022	T022.Td.0560.3.1.0.1 TT 560kVA-22/0,4kV (II.2.1.3)	Trạm	628.096.000	18	11.305.728.000
<b>2. Máy phát điện</b>			<b>Công suất (kVA)</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Số ca máy phát</b>	
1	TT13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021	Khối lượng ca phát điện phục vụ thi công	400	17.870.024	45	804.151.080
<b>3. Thi công live-line</b>			<b>Mã hiệu</b>	<b>Đơn giá nhân công</b>	<b>Số lượng vị trí</b>	
1	VB	Lắp đà, 3 sứ đứng, 6 sứ	HL.10	32.010.236	7	224.071.732

STT	Căn cứ QĐ	Loại công trình	Đơn vị tính	Suất vốn đầu tư (VNĐ)	Khối lượng	Thành tiền (VNĐ)
	2879/DVĐ L-KTAT ngày 11/12/2020	treo, 3 cò, 3 nắp chụp				
<b>TỔNG (VNĐ)</b>						<b>12.333.950.732</b>
<b>VAT (8%)</b>						<b>986.716.059</b>
<b>Chi phí dự phòng (10%)</b>						<b>1.233.395.073</b>
<b>Tổng (Bao gồm thuế và dự phòng)</b>						<b>14.554.061.864</b>

### 5. Sự cần thiết đầu tư:

- Các trạm biến áp cần TCCS nằm trong khu vực có hẻm nhỏ với thiết kế hiện hữu là trạm treo (3\*100kVA), khả năng chia tải lưới hạ thế thấp hoặc không thể chia bớt do các trạm xung quanh đang gần đầy tải.

- Thay thế các trạm biến áp đã vận hành từ 20 năm trở lên, cũng như kết hợp tăng cường công suất từ các trạm hiện hữu 3\*100kVA lên thành 1\*560kVA.

- Các phường Gò Vấp, An Hội Tây, An Hội Đông, An Nhơn, Hạnh Thông, Thông Tây Hội vẫn đang trong giai đoạn phát triển về dân cư, đặc biệt trong các khu vực hẻm nhỏ dẫn đến phụ tải tăng nhanh. Ngoài ra, lưới hạ thế tại các khu vực cần xử lý có bán kính lớn (một vài trạm có bán kính lớn hơn 300 mét).

### 6. Hiệu quả đầu tư:

- Chống quá tải MBA trong mùa nắng nóng, ngăn ngừa mất điện khách hàng, giảm sự cố mất điện, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và chất lượng điện năng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển phụ tải trên địa bàn PCGD quản lý;

- Giảm bán kính cấp điện trên lưới hạ thế, đảm bảo tiêu chí chiều dài các lộ ra hạ thế  $\leq 300$  mét; đảm bảo số khách hàng  $\leq 300$  khách hàng/khu vực trạm;

- Đảm bảo tiêu chí vận hành của các trạm biến áp trung bình từ 60 đến 65% tải; giảm tổn thất điện năng trên lưới điện hạ thế;

- Đảm bảo đáp ứng đủ phụ tải, nhu cầu sử dụng điện của khách hàng, từng bước chuẩn hóa lưới trung hạ thế, tạo vẻ mỹ quan lưới điện và đô thị;

- Giảm sự cố mất điện, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và chất lượng điện năng trên địa bàn PCGD quản lý.

- Phân tích tài chính: Đạt hiệu quả tài chính với các thông số phân tích được tổng hợp theo bảng dưới đây;

<b>Phân tích tài chính</b>				
	IRR	B/C	NPV (triệu đồng)	Thời gian hoàn vốn
<b>Kết quả</b>	<b>22,84%</b>	<b>1,07</b>	<b>36.93</b>	<b>4 năm 9 tháng</b>

Đính kèm bảng phân tích hiệu quả tài chính

**Các chỉ số lưới điện sau khi hoàn thành dự án:**

STT	Tên trạm	Công suất sau TCCS (kVA)	Hệ số mang tải sau TCCS (%)	Số khách hàng	Bán kính lưới điện (m)	Phạm vi cấp điện
1	AO CÁ 5	560	58%	204	224	Một phần Phường Hạnh Thông
2	CÔNG ÍCH 1	560	61%	237	217	Một phần Phường An Nhơn
3	GÒ VẤP CHỢ 5	560	65%	219	220	Một phần Phường An Nhơn
4	NÔNG NGHIỆP 5/2	560	61%	285	213	Một phần Phường An Nhơn
5	NÔNG NGHIỆP 6	560	57%	241	273	Một phần Phường An Nhơn

<b>STT</b>	<b>Tên trạm</b>	<b>Công suất sau TCCS (kVA)</b>	<b>Hệ số mang tải sau TCCS (%)</b>	<b>Số khách hàng</b>	<b>Bán kính lưới điện (m)</b>	<b>Phạm vi cấp điện</b>
6	NÔNG NGHIỆP 9	560	62%	276	220	Một phần Phường An Nhơn
7	QUỐC TUẤN 2	560	64%	297	271	Một phần Phường Hạnh Thông
8	TẤN PHÁT 6	560	57%	275	289	Một phần Phường Hạnh Thông
9	TẤN PHÁT 8	560	63%	284	236	Một phần Phường Hạnh Thông
10	ĐẠT ĐỨC 6	560	66%	217	198	Một phần Phường Gò Vấp
11	ĐẠT ĐỨC 8	560	60%	192	224	Một phần Phường Gò Vấp
12	KỶ QUANG 5	560	63%	194	208	Một phần Phường Gò Vấp
13	CU XÁ LAM SƠN	560	61%	186	227	Một phần Phường Gò Vấp
14	ĐỨC THỌ 1	560	68%	208	235	Một phần Phường An Hội Đông
15	HOÀNG MAI 7	560	65%	227	224	Một phần Phường An Hội Đông
16	ĐAN MẠCH 8	560	60%	182	175	Một phần Phường An Hội Đông

<b>STT</b>	<b>Tên trạm</b>	<b>Công suất sau TCCS (kVA)</b>	<b>Hệ số mang tải sau TCCS (%)</b>	<b>Số khách hàng</b>	<b>Bán kính lưới điện (m)</b>	<b>Phạm vi cấp điện</b>
17	DI NGUY 4	560	67%	191	206	Một phần Phường Hạnh Thông
18	XÓM CHÁY 5	560	62%	173	194	Một phần Phường Hạnh Thông

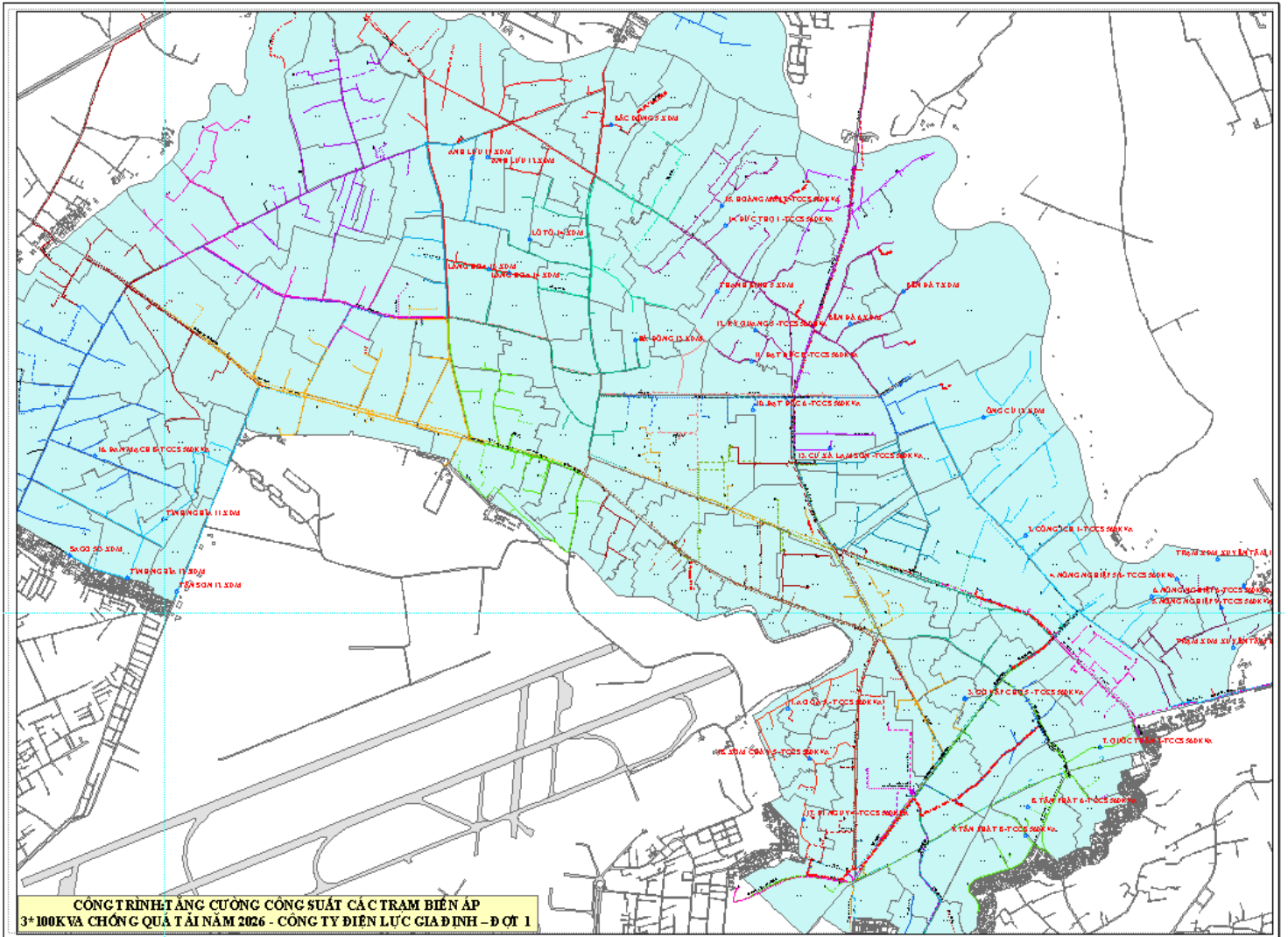
### **7. Kế hoạch bảo vệ môi trường:**

Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường theo Luật BVMT số 72/2020/QH14, tuân thủ các quy định về môi trường và chịu trách nhiệm nếu vi phạm quy định về bảo vệ môi trường.

### **8. Đề xuất tiến độ thực hiện:**

- Công trình dự kiến tiến độ thực hiện như sau:
- Lập Báo cáo KTKT và trình duyệt: Quý 1/2026.
- Hoàn tất công trình: Quý III/2026.

### **9. Đính kèm họa đồ vị trí thực hiện công trình:**



## BẢNG KHỐI LƯỢNG CA MÁY PHÁT ĐIỆN VÀ THI CÔNG LIVE-LINE

STT	Tên trạm	Công suất sau TCCS (kVA)	Khối lượng ca máy phát điện (400kVA)	Khối lượng live-line (vị trí)	Ghi chú
1	AO CÁ 5	560	2	0	Cô lập FCO NR
2	CÔNG ÍCH 1	560	3	0	Cô lập FCO NR
3	GÒ VẤP CHỢ 5	560	2	0	Cô lập FCO NR

STT	Tên trạm	Công suất sau TCCS (kVA)	Khối lượng ca máy phát điện (400kVA)	Khối lượng live-line (vị trí)	Ghi chú
4	NÔNG NGHIỆP 5/2	560	4	0	Cô lập LBS lộ ra
5	NÔNG NGHIỆP 9	560	4		
6	NÔNG NGHIỆP 6	560	4	0	Cô lập LBS NR
7	QUỐC TUẤN 2	560	2	0	Cô lập DS NR
8	TẤN PHÁT 6	560	2	0	Cô lập LBFCO NR
9	TẤN PHÁT 8	560	2	2	Live line đầu nối
10	ĐẠT ĐỨC 6	560	2	0	Cô lập LBS đi NR Đạt Đức 6
11	ĐẠT ĐỨC 8	560	3	0	Cô lập REC đi NR Kỳ Quang 1
12	KỶ QUANG 5	560	3		
13	CƯ XÁ LAM SƠN	560	2	0	Cô lập LBFCO NR
14	ĐỨC THỌ 1	560	2	0	Cô lập FCO NR
15	HOÀNG MAI 7	560	2	0	Cô lập FCO NR
16	ĐAN MẠCH 8	560	2	1	Live line thực hiện
17	DI NGUY 4	560	2	2	Live line thực hiện
18	XÓM CHÁY 5	560	2	2	Live line thực hiện
<b>TỔNG</b>			<b>45</b>	<b>7</b>	